

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 4

Đã nói về phần Nêu rộng Bốn giác tánh tịnh, tiếp đến nói về phần Vô minh căn bản trú địa.

Bốn Luận nói: Nói về nghĩa bất giác, tức vì không biết đúng như thật về pháp Chân như đồng nhất, tâm không giác ngộ khởi lên nên sinh niệm đó. Niệm không có tự tướng, không xa rời Bốn giác, giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, nếu rời bỏ phương hướng thì không có mê lầm nữa. Chúng sanh cũng vậy, dựa vào giác nên mê, nếu lìa xa tánh giác thì không có bất giác. Vì có tâm tưởng vọng không giác ngộ, nên có thể biết danh nghĩa để diễn tả về chân giác, nếu lìa xa tâm không giác ngộ thì không có tự tướng chân giác để có thể diễn tả.

Luận nói: Ngay trong văn này đưa ra hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nói khác về tương ứng thích hợp. Hai là phần theo thứ tự giải thích riêng nói rộng. Phần đầu là thế nào? Tụng nói:

*Đấng Đại Giác Mâu Ni
Thánh giáo trong một đời
Gồm có sáu loại diễn
Là minh, ám, câu, phi
Không cùng với đầy đủ
Sáu vô minh như vậy
Tùy nghĩa lập tên khác
Thế không hề sai biệt.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các loại thuyết giảng khác nhau trong một đời của Đức Thích Ca Mâu Ni đã nêu bày, gồm có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là minh vô minh. Hai là ám vô minh. Ba là câu thị vô minh. Bốn là câu phi vô minh. Năm là không vô minh. Sáu là đầy đủ vô minh. Đây gọi là sáu loại. Như vậy, sáu loại này tùy theo nghĩa mà

lập thành tên gọi, dựa vào thể không có sai khác.

Minh vô minh, nghĩa chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Rốt ráo hết là vô
Thông suốt rõ là minh
Vì nhân duyên như vậy
Lời chung, ý riêng tỏ.*

Luận nói: Rốt ráo không còn gì nên gọi là vô, thông suốt rõ nên gọi là minh. Đó là mặt trời Bát nhã tròn đầy soi sáng khắp pháp giới, không một pháp nào mà không sáng tỏ. Vì thế hãy nhận thức vô minh như vậy là lời tổng quát mà ý riêng biệt.

Trong Kinh Quang Minh Thật Trí giải thích như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà ở giữa đại chúng nói lên lời nói như vậy: Nay Ta đã nói trong tất cả kinh pháp, từng chữ từng chữ, từng câu từng câu, thấu gồm toàn bộ hết thấy vô lượng những gì đã giải thích, nhưng vì chúng sanh hạng độn căn, nên dùng các loại ngôn từ diễn tả để bàn luận. Nếu như lời Thế Tôn diễn tả, trước mắt sẽ có lỗi lầm. Tại sao? Vì như chữ vô minh chỉ biểu thị về phẩm loại đen tối, không thể biểu thị cho trí Bát nhã sáng tỏ, cho đến chữ vô thường chỉ biểu thị về tướng sanh diệt, chứ không thể giải thích biểu thị cho pháp vô vi an trú trong lý chân thật. Đức Thế Tôn diễn tả như vậy là như thế nào? Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Nay Ta đã nói thật sự không có lỗi lầm. Tại sao? Vì như chữ vô minh không thể nhất định nói là chỉ biểu thị về phẩm loại đen tối, vì năng lực trí tuệ của ông còn cạn hẹp ít thấy ít nghe, do đó dấy lên nghi ngờ như vậy. Vì chữ vô minh này lại thấu tóm hết thấy trí Bát nhã sáng tỏ, đầy đủ trọn vẹn không có thiếu sót. Đó là nghĩa cứu cánh, là nghĩa châu biến, là nghĩa viên mãn, là nghĩa bình đẳng, là nghĩa vô dư, nói là Vô. Là nghĩa thông đạt, là nghĩa hiển liễu, là nghĩa quán chiếu, là nghĩa hiện tiền, là nghĩa vô ngại, nói là Minh. Cho đến giải thích rộng”.

Vô minh tối tăm, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tất cả Bát nhã sáng
Che ẩn khiến không sanh
Ví như vật trong tối
Không có điều thù thắng.*

Luận nói: Vô minh căn bản có năng lực che phủ tất cả trí tuệ tổng trì sáng tỏ, khiến bị ngăn ngại không phát sanh được. Ví như trong bóng

tối, đồ vật trang nghiêm tuy có hình dạng trắng diêu, nhưng bị bóng tối làm cho ngăn ngại, không nhìn thấy được sự thù thắng kia, vì vậy gọi là vô minh đen tối.

Trong Kinh Viên mãn giải thích như vậy: “Tất cả chúng sanh vốn có đủ ba trí, vì điên đảo nên không hiểu biết, không giác ngộ được”.

Câu thị vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?

Tụng nói:

*Chỉ một loại vô minh
Hoặc cùng sáng hoặc tối
Ví như một cảnh tối
Hai người đều nhìn khác.*

Luận nói: Một loại vô minh hoặc là sáng hoặc là tối, ví như một cảnh sắc hai người nhìn thấy khác nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là giống như Ca-la-cưu-xa-na và người đồng phạm trong màn đêm thật tối, cùng ở một nơi, nhìn sắc tối này, nếu là Ca-la-cưu-xa-na thì chỉ thấy màu sắc sáng chói thanh tịnh, nếu là người đồng phạm thì chỉ thấy cảnh sắc luôn tối tăm. Câu thị vô minh cũng lại như vậy, chỉ một vô minh và hoặc là trí tuệ sáng ngời hoặc là pháp bất thiện tối tăm, hai trạng thái cùng có trong ấy.

Trong Kinh Thâm Thâm Mật Nghiêm giải thích như vậy: “Vô minh căn bản ở trong con người huyễn ảo có năng lực tạo ra bản chất huyễn ảo, ở trong con người đạo đức có năng lực tạo ra bản chất đạo đức, vì vậy không thể chọn lấy một mà phản đối một”.

Câu phi vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?

Tụng nói:

*Từ vô thị đến nay
Không có dựa ngôn thuyết
Xa mọi chuyển phân biệt
Và hoàn toàn rời xa.*

Luận nói: Nói câu phi là không dựa vào ngôn từ, là xa rời sự chuyển biến của tâm, vì vậy gọi là câu phi vô minh. Trong Kinh Bát Thắng Thiên Tử giải thích như vậy: “Bấy giờ, Thiên tử tên là Quang Minh Tự Tại Hoa Bảo Diệu Luân, nhờ vào thần lực của Phật thừa với Đức Phật: Thừa Thế Tôn! Vô minh có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh cũng có cũng không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh không phải có, không phải không có chăng? Đáp: Không phải. Không phải chính là vô minh chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Tại sao như vậy? Đáp: Vì không có

điều gì có thể sáng tỏ, do đó nói là vô minh vô trí”.

Không vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?

Tụng nói:

*Không thể dụng là không
Như lông rùa, sừng thỏ
Đạo lý như vậy rõ
Vì vậy nói là minh.*

Luận nói: Không vô minh, thể và dụng đều rỗng lặng, nên gọi là minh. Ví như lông rùa và sừng thỏ xưa nay không có thật thể, tất cả mọi người thấy đều biết rõ. Trong Kinh Vô Trí giải thích như vậy: “Vô minh căn bản không hề có việc gì, chỉ tại tánh biến kế sở chấp”.

Đầy đủ vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?

Tụng nói:

*Tất cả pháp nhiễm, tịnh
Sinh ra, tăng thêm chung
Vì nhân duyên như vậy
Kiến lập tên đầy đủ.*

Luận nói: Nói đầy đủ là vô minh căn bản có năng lực phát sanh tất cả các pháp nhiễm và tịnh, khiến tăng thêm, do đó thành lập tên gọi là đầy đủ. Trong Kinh Phật Tánh Giải Thoát giải thích như vậy: “Từ hạt giống vô minh sinh ra cây giác tri, từ cây giác tri sinh ra hoa trí tuệ công đức, từ hai đóa hoa này kết thành quả giải thoát Pháp thân, cho đến nói rộng”. Như vậy, sáu loại vô minh căn bản, ở trong văn của luận giải thích rõ, an lập phù hợp là tạm thời lược nêu. Còn tên gọi của vô minh tối tăm có sai biệt ra sao, tướng đó thế nào, kinh điển giải thích khác nhau và số lượng đó có bao nhiêu? Tụng nói:

*Gồm có mười loại tên
Khế kinh giải thích khác
Kiến nhất xứ trú địa
Hoặc Báo ân vô tận.
Hoặc Vô trí hữu chung
Hoặc Vô đẳng đẳng sanh
Hoặc Sanh đắc, quán mãn
Trí ngại cùng Bất giác.
Giác liễu và Tử tạng
Mười loại tên như thế
Tùy nghĩa dụng sai biệt
Chỉ một vô minh ám.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các loại kinh giáo thuyết ra trong một đời, gồm có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Kiến nhất xứ trú địa.
2. Báo ân vô tận trú địa.
3. Vô thí hữu chung trú địa.
4. Vô đẳng đẳng sanh trú địa.
5. Sanh đắc trú địa.
6. Quán mãn trú địa.
7. Trí ngại trú địa.
8. Bất giác trú địa.
9. Giác liễu trú địa.
10. Tử tạng trú địa.

Đây gọi là mười Địa. Mười loại tên gọi như vậy chỉ là một thể, tùy theo nghĩa dụng sai khác, nên quán sát kỹ!

Kiến nhất xứ trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tuệ Bát nhã viên mãn
Hiện thấy một pháp giới
Thể vô minh tức đoạn
Nên gọi Kiến nhất xứ.*

Luận nói: Từ tâm kim cang trở lại, chưa đầy đủ trí tuệ, phước đức còn thiếu kém, vì thế không đạt được nơi chốn thật sự trong một tâm. Vô minh căn bản hãy còn chưa rời ra, mà lúc theo vạ hạnh đến quả vị, Thí giác Bát nhã hiển bày rõ, công đức vốn có đầy đủ viên mãn, ngay lúc ấy thấy pháp giới trong một tâm liền an lập trú xứ, vô minh căn bản lập tức đoạn trừ không còn, vì vậy gọi là Kiến nhất xứ hoặc. Trong Kinh Quang Nghiêm Đồng Tử giải thích như vậy: “Vả lại, có tâm mê vọng (Hoặc) nên hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và Bồ-tát Thập Địa vốn không thể đoạn trừ, đó là Kiến nhất xứ vô minh trú địa. Như vậy trú địa chứng đạt pháp giới đồng nhất, chỉ có bậc giác ngộ thanh tịnh mới có năng lực đoạn trừ”.

Báo ân vô tận trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Vô lượng các đức Phật
Báo ân của vô minh
Hết vị lai không cùng
Nên gọi Ân vô tận.*

Luận nói: Hết thủy chư Phật suốt ba đời khắp mười phương đều

trả ân vô minh, hết thời gian vị lai cũng không hề cùng tận. Vì sao? Vì tất cả các bậc Giác ngộ lấy vô minh làm nhân vô vi, trang nghiêm đầy đủ cho quả vị Pháp thân. Trong kinh Bốn Lai Thanh Tịnh giải thích như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Trong vô số đời kiếp không tiếc thân mạng, đoạn trừ tất cả điều ác, tu dưỡng tất cả mọi điều thiện, nhân thực hành viên mãn trang nghiêm cho đại dương tánh của tâm, hỷ lạc tự tại và tác dụng công đức vô ngại, vì nhân duyên gì mà nói lời như vậy: Ta có nhiều ân đức dùng hết thời gian vị lai cũng không thể báo đền hết được? Đức Phật nói: Ta căn cứ vào vô minh, lấy đó làm bản chất để thành tựu đạo quả Chánh giác, vì vậy Ta nói là có ân đức rất sâu nặng, ở trong vô lượng kiếp báo ân không hết. Do nghĩa này mà Vô minh trú địa cũng gọi là Báo ân vô tận trú địa”. Vô thí hữu chung trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Quá khứ không giới hạn
Tiến vị lai có tận
Vì nhân duyên như vậy
Gọi Vô thí hữu chung.*

Luận nói: Vô minh căn bản nếu lùi lại về quá khứ thì không có giới hạn ban đầu, gọi đó là Vô thí. Nếu tiến vào vị lai thì chắc chắn có gián đoạn, gọi đó là Hữu chung. Trong Bát Nhã Ba-La-Mật giải thích như vậy: “Trí thanh tịnh của Thi giác có bắt đầu mà không có kết thúc, vô minh trú địa không có bắt đầu nhưng có kết thúc”.

Vô đẳng đẳng sanh trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Phiền não thượng vô số
Một lúc, không trước sau
Sanh ra có đầy đủ
Gọi là Vô đẳng đẳng sanh.*

Luận nói: Vô minh căn bản có lực thù thắng, vượt quá hàng sa số các phiền não phẩm thượng, không có trước sau mà cùng phát sanh trong một lúc, vì vậy gọi là Vô đẳng đẳng sanh. Trong Kinh Tự Thể giải thích như vậy: “Ví như Thiên ma Ba-tuần đối với Tự Tại thiên, sắc tướng, sức lực, thọ mạng, quyến thuộc đều đầy đủ tự tại thù thắng hơn hẳn, đại lực trú địa sanh ra không gì sánh bằng, cũng lại như vậy, thô hay tế - trước và sau đều sanh trưởng ngay một lúc, không có trước sau”.

Sanh đắc trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Sanh là ba loại sanh
Đắc là lập thành tựu
Vô minh căn bản lập
Nên gọi là Sanh đắc.*

Luận nói: Nói là sanh, nghĩa là ba loại tướng sanh. Gọi là đắc có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa kiến lập. Hai là nghĩa thành tựu. Vô minh căn bản có năng lực để thành lập ba loại tướng sanh, vì thế gọi là Sanh đắc trú địa. Trong Kinh Thập Chung Vọng Tướng giải thích như vậy: “Dựa vào từng chủng tử một chuyển biến phát sanh kiến lập thành tựu trú địa, chứ không phải dựa vào tự thể, nên gọi là Sanh đắc”.

Quán Mãn trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?
Tụng nói:

*Thể vô minh căn bản
Kim cương hoàn không dứt
Phải đợi quả viên mãn
Nên gọi là Quán mãn.*

Luận nói: Vô minh căn bản đối với tâm kim cương trở lại vẫn còn tồn tại chứ không phải đã hết, phải đợi lúc địa viên mãn mới vĩnh viễn đoạn trừ không còn gì, vì vậy gọi là Quán mãn trú địa. Trong Kinh Vô Thượng Bồ Đề giải thích như vậy: “Vô minh căn bản đợi đến lúc đạo quả viên mãn, gọi là Quán mãn, các thức hý luận tùy theo địa dần dần loại trừ, gọi là Quán phần”

Trí ngại trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?
Tụng nói:

*Ngăn Nhất thiết chủng trí
Thông suốt nghịch thế gian
Sai lầm trái ngược nặng
Nên gọi là Trí ngại.*

Luận nói: Vô minh căn bản rất tối tăm, Nhất thiết chủng trí hiển lộ rất sáng tỏ, như vậy sáng và tối trái ngược nhau hết sức sâu nặng, vì thế gọi là Trí ngại trú địa. Trong Kinh Thập Thâm Nhân Duyên giải thích như vậy: “Phiền não sâu dày làm chướng ngại cho trí của chánh thể, trái ngược nhau hết sức nên kiến lập làm chướng ngại. Tuệ Bát nhã cùng với hậu đắc trí bị chướng ngại, trái ngược sâu nặng nên kiến lập làm chướng ngại. Cho đến nói rộng”.

Bất giác trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?
Tụng nói:

*Từ vô thí đến nay
Đủ ba thân Bồ-đề
Tròn bốn đức Niết-bàn
Không thể giác, chẳng giác.*

Luận nói: Tất cả chúng sanh từ vô thí đến nay, ba thân đầy đủ, bốn đức viên mãn, tự tánh thanh tịnh rời xa mọi ràng buộc vướng mắc, nhưng vì vô minh nên không nhận thức được, vì thế gọi là Bất giác trú địa. Trong Kinh Đại Bản Lăng Già giải thích như vậy: “Bất nhã không có tri thức, các thức hý luận đều là cái biết không đúng nghĩa, vô minh căn bản chính là Bất giác. Vì sao như vậy? Vì Bất giác đối với tánh giác, cho đến nói rộng”.

Giác liễu trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Không phải cảnh Thập Địa
Cũng không cảnh phạm tiểu
Chỉ bậc Đại giác hiểu
Nên gọi là Giác liễu.*

Luận nói: Vô minh căn bản thì hàng Bồ-tát Thập Địa chưa thể dễ biết được điều ấy hướng chi là hàng phạm, tiểu? Chỉ bậc Đại giác mới hiểu rõ tận cùng không sót, vì vậy gọi là Giác liễu trú địa. Trong Kinh Bảo Tích giải thích như vậy: “Chỉ có cảnh giới Phật chứ không phải cảnh giới nào khác có thể biết được, nên gọi là Giác liễu vô minh”.

Tử tạng trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?

Tụng nói:

*Biển lớn tạng vô minh
Thâu giữ mọi phiền não
Như gieo trồng giữ hạt
Nên gọi là Tử tạng.*

Luận nói: Vô minh vô thí thâu giữ phiền não làm cho dừng lại, ví như các loại hạt giống chủ quản sự ẩn kín hay hiện rõ, vì thế gọi là Tử tạng trú địa. Trong Kinh Bản Nghiệp giải thích như vậy: “Cất giữ các chủng tử đủ loại ví như lưới giăng của cõi trời”. Vì nhân duyên gì đều gọi là Trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lực vô minh rất lớn
Nắm giữ mọi pháp nhiễm
Như đất giữ bốn loại
Nên gọi tên là Trú địa.*

Luận nói: Vô minh căn bản có năng lực rất lớn, có thể dễ nắm giữ tất cả mọi pháp nhiệm, ví như mặt đất có năng lực thù thắng nên chủ quản bốn trách nhiệm quan trọng, vì vậy gọi là Trú địa. Thế nào là bốn trách nhiệm? Một là biển lớn. Hai là núi non. Ba là cỏ cây. Bốn là chúng sanh. Đây gọi là bốn trách nhiệm. Trong Kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Đức Thế Tôn! Như vậy thì năng lực của vô minh trú địa, ở trong số bốn trú địa của hữu ái, vô minh trú địa là loại có năng lực lớn nhất”. Cho đến nói rộng...

Đã nói về phần tách ra tương ứng thích hợp, tiếp đến nói về phần theo thứ tự giải thích riêng, phân tán. Nói về nghĩa Bất giác là nêu tổng quát gốc ngọn của tất cả Bất giác. Từ đây tiếp xuống tiến hành giải thích lược chỉ ra. Đầu tiên giải thích về căn bản Bất giác, tiếp đến giải thích tách ra quyển thuộc của Bất giác, mở rộng về gốc - lược bớt phần ngọn, nên quán sát kỹ.

Không biết đúng như thật về pháp Chân như chỉ là một nên tâm Bất giác khởi lên, đó chính là biểu hiện rõ về nhân duyên khởi lên căn bản Bất giác. Căn bản Bất giác vì nhân duyên gì có thể dấy lên mà có? Vì nhân không như thật nên có thể dấy lên mà có. Trong những pháp như thế nào mà lại không như thật? Đó là trong ba pháp mà lại không như thật. Nói về không như thật (bất như), điều ấy có nghĩa gì? Đó là nghĩa về sự trái ngược. Thế nào là ba pháp? Một là thật sự biết rõ một pháp. Hai là chân như chỉ một pháp. Ba là một tâm một pháp. Đây gọi là ba pháp. Thật sự biết rõ một pháp, nghĩa là tất cả các giác chính là trí của chủ thể thông đạt. Chân như chỉ một pháp, nghĩa là lý bình đẳng chính là cảnh của đối tượng thông đạt. Một tâm một pháp, nghĩa là một pháp giới chính là thể của đối tượng nương dựa. Đối với ba pháp này đều trái ngược do đó vô minh nhất định dấy lên, vì thế nói không biết đúng như thật về pháp Chân như chỉ là một nên tâm Bất giác khởi lên. Ba loại pháp kia chung quy đều giữ lấy trong một không rời bỏ, nên gọi chung là một.

Từ đây tiếp xuống là sơ lược chỉ ra quyển thuộc, phát sinh niệm vọng, chính là biểu hiện rõ về sự phân ly của vô minh, nghĩa là căn bản đã lập nên tất cả quyển thuộc do đó tất cả đều phải có.

Từ đây xuống dưới có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần Quy đức thành huyễn, có lực và không có lực. Hai là Cử vọng hiển chân có lực và không có lực.

Quy đức thành huyễn, là tất cả vô minh, nếu chế ngự cho đến căn bản thì không có tự thể tướng chỉ là dựa vào bốn giác mà được

thành lập. Ví như người lạc đường do dựa vào đường đi nên không nhận ra, nếu xa rời đường đi thì không có điều gì mê loạn. Như Bốn Luận nói: “Niệm vọng không có tự tướng, không xa rời Bốn giác, giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, nếu tách rời phương hướng thì không có mê loạn. Chúng sanh cũng vậy, vì dựa vào giác nên mê muội, nếu tách rời tánh giác thì không có gì là Bất giác”. Phần Cử vọng hiển chân, là Pháp thân Bát nhã không thể tự nó hiển lộ được, phải đợi Bất giác sau đó mới có thể tán dương danh nghĩa đầy đủ hiện rõ trước mắt. Ví như bậc trượng phu dũng mãnh làm cho quân lính phải khuất phục, sau đó mới có thể đạt được vị trí cao hơn. Như Bốn Luận nói: “Vì có tâm vọng tưởng không giác ngộ, có thể hiểu biết về danh nghĩa để diễn tả Chân Giác, nếu lìa tâm Bất giác thì tự tướng chân giác không có thể diễn tả”.

Đã nói về phần Vô minh căn bản trú địa, tiếp đến nói về phần Quyển thuộc của vô minh trú địa. Trong sự quyển trạch này có hai tầng. Thế nào là hai tầng? Một là phần biểu hiện rõ về quyển thuộc vi tế. Hai là phần biểu hiện rõ về quyển thuộc thô trọng. Phần đầu như thế nào?

Bốn Luận nói: Lại nữa, dựa vào Bất giác nên phát sanh ba loại tướng, cùng với Bất giác tương ứng không lìa xa. Thế nào là ba tướng? Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có đau khổ, do quả không không lìa xa nhân. Hai là tướng tăng kiến, vì dựa vào biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thể thấy. Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể thấy nên cảnh giới hư vọng xuất hiện, xa lìa thấy thì không có cảnh giới nào.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tức có hai tầng. Thế nào là hai tầng? Một là phần nêu tổng quát, lược bày. Hai là phần nêu ra, giải thích cùng thành lập. Phần thứ nhất nói “Dựa vào Bất giác nên phát sanh ba loại tướng cùng với Bất giác tương ứng không lìa xa”, tức là biểu hiện rõ phần tướng của ngọn nhờ vào sức lực của phần thể từ gốc mà được thành lập. Vả lại, phần thể của gốc được các cành nhánh của phần tướng từ ngọn nuôi dưỡng nên có thể tồn tại. Ví như cha và con làm nhân cho nhau mà được thành lập. Vì vậy nói là “tương ứng không lìa xa”. Nếu nói như vậy, thì từ Địa thứ tám trở lên các bậc Bồ-tát ở địa trên sẽ đoạn trừ vô minh giống như địa Diệu giác hay sao? Điều này không phải như vậy, vì tuy Bồ-tát đoạn trừ tướng thuộc phần thô, mà ba tướng vi tế hãy còn chưa đoạn hết.

Từ đây xuống dưới giải thích phần thứ hai. Trong ba tướng này thì

tướng nghiệp thứ nhất, giữa chủ thể trông thấy và đối tượng được trông thấy không có sai biệt, tâm vương phân biệt pháp không thể phân tích, chỉ căn cứ vào nghĩa luôn biến động, ngấm ngấm lưu chuyển nên gọi là nghiệp. Như vậy biến động và lưu chuyển chỉ do Bất giác. Nếu giác thì không biến động mà biến động thì có đau khổ. Vì sao như vậy? Vì quả ban đầu của tướng nghiệp không xa rời nhân ban đầu của vô minh. Như Bốn Luận nói: “Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có đau khổ, vì quả không lia xa nhân”. Tướng chuyển thứ hai, vì tướng nghiệp niệm vọng là nơi nương cậy, chuyển biến làm duyên chủ động lưu chuyển trở thành tướng rõ ràng. Nếu không có phần vị của tướng nghiệp động niệm, sẽ không có kiến phần của tướng liễu biệt chuyển, dựa vào bên này biến động làm chuyển đổi bên kia nên gọi là tướng chuyển. Như Bốn Luận nói: “Hai là tướng chủ thể nhận thức, vì dựa vào biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thể thấy”. Tướng hiện thứ ba, vì dựa vào phân biệt chuyển làm nơi nương cậy, nên cảnh giới hý luận hiển bày đầy đủ trước mắt, tướng phần đã duyên theo trải rộng khắp nơi. Nếu lia xa phần vị của thức phân biệt kiến, thì không có trần tướng của cảnh giới nơi đối tượng duyên. Dựa vào kiến phần này hiện bày tướng phần kia, ví như dựa vào gương sáng nên hiện rõ các cảnh sắc hình tượng, nên gọi là tướng hiện. Như Bốn Luận nói: “Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể thấy nên cảnh giới hư vọng xuất hiện, lia thấy thì không có cảnh giới nào”. Như vậy, ba tướng tuy khác biệt về tên gọi nhưng cùng chỉ ra thức vốn có, nơi phần Quyết trạch ở trước đã nói rộng. Trong ba tướng này thì tướng thứ nhất là chủ thể và đối tượng cùng chung, thể không sai khác. Tướng thứ hai chỉ có chủ thể trông thấy vì không có đối tượng trông thấy. Tướng thứ ba thì chủ thể cùng đối tượng đều đầy đủ và viên mãn.

Vô minh căn bản lại có gì sai khác? Nghi ngờ này do đâu? Vì tự thể của vô minh không rõ. Điều ấy có nghĩa là nếu nói tâm thể không biến động, thì ngay lúc này gọi là vô minh, điều ấy không phải như vậy. Vì sao như thế? Vì ba là phần nói về lý do dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Nếu nói không có gì động thì phần vị thức nghiệp chẳng phải vô minh, điều này cũng không phải vậy. Vì sao như thế? Vì phần so sánh nói là do không thông đạt một pháp giới nên tâm không tương ưng, bỗng nhiên niệm vọng khởi lên nên gọi là vô minh. Hai vấn về động và khởi đều dựa vào thức nghiệp để giải thích như vậy, chứ không phải là vô minh. Vì sao? Vì chủ thể biến động, chủ thể khởi

lên là vô minh căn bản, thuận theo biến động, thuận theo khởi lên chính là thức nghiệp. Vì nghĩa này nên không có sai trái lẫn nhau. Nếu vậy thì thể của vô minh căn bản, làm thế nào có thể biến động được tâm thể và làm thế nào có thể khởi lên các niệm vọng? Chỗ này không rõ. Vì Thập Địa không phải là cảnh giới mà ba Hiền không thể suy lường, chỉ có Phật mới hiểu rõ đến cùng nên không thể vọng nói được, nhưng dựa vào kinh giải thích mượn ngôn từ tạm gọi chỉ nói là Bất giác. Có được nhân duyên trong phần Quyết trạch sau sẽ nêu rõ.

Tướng nghiệp - niệm vọng vi tế - chủ thể - đối tượng chưa rõ, tướng và cảnh giới không thể phân biệt, vì nhân duyên gì thiết lập tên gọi động để giải thích tướng nghiệp vậy? Điều này lại cũng không thể vọng nói, chỉ dựa vào kinh giải thích mà nói như vậy: Tướng nghiệp và bản thức, không có chủ thể tạo tác rõ, không có đối tượng tạo tác rõ, không thể phân tích, không thể cách biệt, chỉ căn cứ vào nghĩa luôn biến động ngấm ngấm lưu chuyển, nên gọi là Kiến ma. Nếu chúng sanh cần phải dùng các loại ngôn từ phô bày để nói về điều này, thì nói suốt ngày cũng không thể nói rõ hết được.

Đã nói về phần biểu hiện rõ về quyến thuộc vi tế, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về quyến thuộc thô trọng.

Bốn Luận nói: Vì có cảnh giới duyên theo nên lại phát sanh sáu loại tướng. Thế nào là sáu loại? Một là tướng trí, vì dựa vào cảnh giới mà tâm khởi lên yêu thích và ghét bỏ. Hai là tướng tương tục, vì dựa vào trí nên sanh ra cảm nhận nỗi khổ và niềm vui, tâm khởi niệm tương ưng không ngừng. Ba là tướng chấp thủ, vì dựa vào duyên tương tục phân biệt cảnh giới, giữ chặt những nỗi buồn vui nên tâm khởi lên chấp trước. Bốn là tướng kế danh tự, vì dựa vào vọng chấp phân biệt đủ loại tướng trạng, danh ngôn không thật. Năm là tướng khởi nghiệp, vì dựa vào tên gọi tìm tên gọi dẫn đến tham đắm tạo ra đủ loại nghiệp. Sáu là tướng nghiệp hệ khổ, vì dựa vào nghiệp nhận chịu quả không thể tự tại được.

Luận giải thích: Sáu tướng như vậy đều từ nơi ý thức chứ không phải là thức hay pháp nào khác. Vì sao như vậy? Vì trong Kinh Đại Bốn giải thích như vậy. Phần quyết trạch này là kinh nào giải thích? Đó là Kinh Lăng Già. Nơi kinh ấy sẽ giải thích điều gì? Đó là trong Kinh Phân Lưu Lăng Già giải thích như vậy:

*Ví như sóng biển lớn
Do gió mạnh nên khởi
Sóng to vỗ vào bờ*

Không lúc nào gián đoạn
 Thường trú biến tạng thức
 Gió cảnh giới chuyển động
 Đủ loại sóng các thức
 Cuộn tung mà chuyển sanh
 Các loại sắc xanh đỏ
 Sữa trắng và mật ong
 Nhiều hoa quả vị nhạt
 Nhật, nguyệt và ánh sáng
 Chẳng khác, chẳng không khác
 Nước biển khởi sóng cuộn
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sanh
 Như nước biển biến đổi
 Sóng cuộn chuyển biến theo
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sanh
 Là từ nơi tạng thức
 Đủ các thức chuyển tiếp
 Đó là ý thức kia
 Tư duy nghĩa các tướng
 Sinh tám tướng không hoại
 Không có tướng, không tướng.

Dựa vào văn kinh này giải thích, phát khởi văn nói về sáu tướng. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Đó là muốn biểu hiện rõ về tự tánh thường trú tại biển cả của hiện thức, bị gió cảnh giới của sáu trần làm cho trôi nổi. Bảy loại chuyển thức lấy thể của hiện thức làm nhân bên trong, lấy cảnh giới sáu trần làm duyên bên ngoài, khiến cho sáu loại tướng thô trọng dấy lên mạnh mẽ. Như kinh nói:

Ví như sóng biển lớn
 Do gió mạnh cuộn lên
 Sóng to vỗ vào bờ
 Không lúc nào gián đoạn
 Thường trú biến tạng thức
 Gió cảnh giới chuyển động
 Đủ loại sóng các thức
 Cuộn tung mà chuyển sanh.

Thế nào gọi là gió của cảnh giới, gió ấy hình trạng như thế nào?

Đó là các loại màu sắc rõ như xanh vàng đỏ trắng..., có năng lực dấy lên nhãn thức. Các loại châu ngọc như vàng bạc quý... hiện sanh ra nhiều loại âm thanh thù thắng vi diệu, có năng lực dấy lên nhĩ thức. Các loại mùi thơm ngào ngạt xông ướp khắp nơi như hương thanh đàn..., có năng lực dấy lên tỷ thức. Các loại lụa là mềm mại xúc chạm hòa hợp cùng với các loại vật tốt tạo an lạc, có năng lực dấy lên thân thức. Các mùi vị ngọt nhạt, tùy theo những gì thích hợp với nó phát ra các loại mùi vị, có năng lực dấy lên thiệt thức. Hoa của hiện tại, quả của vị lai là các loại pháp trần, thuận theo làm thành cảnh giới đã duyên vào của thức, có năng lực dấy lên ý thức. Nay trong văn này đưa ra trần chọn lấy thức, nên quán sát kỹ. Thức Mạt-na kia chính là phần vị vi tế của ý thức mà không có Thể riêng biệt. Như vậy sáu trần có thể làm dấy động tâm thể khiến trở thành tán loạn, ví như gió mạnh nên gọi là gió của cảnh giới. Như kinh nói:

*Các loại sắc xanh đỏ
Sữa trắng và mật ong
Nhiều hoa quả vị nhạt.*

Như vậy, bả thức cùng với tạng thức, giống nhau hay là khác nhau? Chẳng phải giống nhau cũng chẳng phải khác nhau, vì xa rời cả hai bên. Ví như mặt trời và ánh sáng, nước và sóng nước, chẳng phải giống nhau cũng chẳng phải khác nhau. Bả thức và tạng thức chẳng phải giống nhau, chẳng phải khác nhau, nghĩa lý cũng như vậy. Như kinh nói:

*Nhật, nguyệt và ánh sáng
Chẳng khác, chẳng không khác
Nước biển khởi sóng cuộn
Bả thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh.*

Bả thức như vậy từ xứ sở nào đến hội nhập trong tạng thức làm thành số của bả loại, lưu chuyển khởi động không lúc nào gián đoạn? Như vậy, bả chuyển thức không đến từ bên trong, không đến từ bên ngoài, không đến từ phần giữa, chỉ do thể của tạng thức biến đổi làm thành bả thức, ví như nước biển khởi biến đổi gây ra sóng cuộn. Như kinh nói:

*Ví như nước biển biến
Vô số sóng cuộn chuyển
Bả thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh*

*Nghĩa là nơi tạng thức
Vô số các thức chuyển
Là vì ý thức kia
Tư duy nghĩa các tướng.*

Như vậy, hiện thức và bảy chuyển thức là tám loại tâm thức, chỉ có tướng của sanh diệt vô thường hay là cũng có tướng Chân thật - tướng Thường trú? Như vậy, tám thức từ vô thủy đến nay, ba đời không biến động, bốn tướng không dời chuyển, là tướng chân thật thường trú, tự tánh thanh tịnh không thể hủy hoại, đầy đủ viên mãn không có thiếu sót. Tất cả công đức đều như vậy, giống như pháp giới nên không có hai tướng, không có hai tướng do đó chỉ là một tướng, chỉ là một tướng vì vậy cũng là vô tướng, đều vì vô tướng nên vô tướng cũng vô tướng. Như kinh nói:

*Tướng không hoại có tám
Không tướng, cũng không tướng.*

Kinh Lăng Già này trình bày tất cả bao nhiêu thức? Chính là phát sinh hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nói lược. Hai là phần nói rộng. Như vậy trong hai phần cả ba bản kinh đều nói khác nhau. Nói khác nhau thế nào? Đó là trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có ba loại thức, nói rộng có tám loại thức. Như thế nào là ba loại thức? Đó là thức chân - thức hiện và thức phân biệt sự”.

Lại một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức, nói lược thì có hai loại thức. Thế nào là hai loại thức? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”.

Lại một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có bốn loại thức, nói rộng có bảy loại thức. Thế nào là bốn loại thức? Đó là thức nghiệp - thức chuyển - thức hiện và thức phân biệt sự”.

Như vậy, cả ba bản kinh dứt khoát là chân thuyết, phải quay về nương theo kinh Lăng Già loại nào đây? Nhân Duyên Lăng Già, Sa La Lăng Già, Bàn Thi Đa Lăng Già..., bao nhiêu loại kinh này chính là nguy tạo nói ra không thật nên không đáng để nương theo. Nay nên dựa vào một vạn sáu ngàn tụng trong Đại Bản Lăng Già, ba kinh tuy an lập khác nhau về tướng nhưng kết hợp nhau cùng giải thích, như thứ tự ấy cần phải quán sát kỹ.

Trong kinh thứ nhất, thì thứ nhất là thức chân, dứt khoát là vô minh căn bản đã huân tập chân tâm của Bốn giác. Thứ hai là thức hiện,

dứt khoát là tướng hiện của thức A-lê-da. Thứ ba là thức phân biệt sự, dứt khoát là ý thức, phần thô là ý thức, phần tế chính là mạt-na. Tại sao kinh này chỉ nói phần tế của ý thức là thức Mạt-na-đà. Thức nghiệp và thức chuyển, trong ba phần tế lại lược bỏ không nêu ra. Chính chỗ này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần Nêu lên hai biểu hiện ba có đủ số. Hai là phần Dẫn theo trên biểu đạt dưới có đủ số.

Phần một nói thế nào? Đó là nêu lên phần thô mạnh để biểu hiện phần tế kém. Nghĩa này là thế nào? Vì ở trong ba phần tế thì phần thô là thức hiện, ở trong bảy thức thì mạnh hơn là ý thức. Nêu phần thô là thức hiện để biểu hiện phần tế là thức nghiệp và thức chuyển, vì thế chỉ nói thức hiện. Nêu lên cái mạnh là ý thức để chỉ cái kém là Mạt-na, do đó chỉ nói ý thức. Vì thế ngôn ngữ lược mà nghĩa lý đủ, đây gọi là phần Nêu lên hai biểu hiện ba có đủ số.

Phần hai nói gì? Đó là trước sau tự nhiên tên gọi đầy đủ. Nghĩa này là thế nào? Văn kinh nói là: Các thức có ba loại tướng, đó là tướng chuyển, tướng nghiệp và tướng chân. Thứ nhất là tướng chuyển, chính là ba phần tế thấu tóm được thức chuyển. Thứ hai là tướng nghiệp, tức ba phần tế đã thấu tóm thức nghiệp. Thứ ba là tướng chân, chính là thức Mạt-na được thấu tóm do phần tế của ý thức. Dẫn văn kinh này đạt tới văn sau, tên gọi đầy đủ, nghĩa lý trọn vẹn, đây gọi là phần Dẫn theo trên biểu đạt dưới có đủ số.

Trong kinh này nói tám loại thức, đó là A-lê-da - Mạt na - ý thức và năm thức thân, đây gọi là tám loại thức. Vì sao trở thành tám loại? Vì trong một ý thức phân ra bảy loại khác nhau.

Trong kinh thứ hai thì thứ nhất là thức liễu biệt, dứt khoát là tướng hiện của thức A-lê-da. Thứ hai là thức phân biệt sự, dứt khoát là ý thức, nghĩa đã nói như trước, cùng nói là Mạt-na. Trong kinh thứ nhất trên kia gọi là tướng chân, trong kinh thứ hai này gọi là thức trí tướng, là tên gọi khác mà nghĩa lý như nhau. Trong phần vị Mạt-na bắt đầu có tuệ tâm sở, phân biệt đối với ngoại trần gọi là thức trí tướng. Như vậy, trí trong cảnh của đối tượng duyên nơi thức khởi lên hiểu rõ về tướng chân thật mà chuyển hóa nên gọi là tướng chân. Tám thức trong này dựa theo trước có thể biết.

Trong kinh thứ ba nói đến bốn loại pháp thức, sắc thái của văn rõ nên tạm thời lược bớt không nói. Nói về bảy thức, là Mạt-na và ý thức chung làm một, vì thô và tế tuy có khác nhau nhưng chỉ là một thức.

Trong Kinh Pháp Giới Pháp Luân giải thích như vậy: “Ý thức thứ sáu trong lúc phân biệt cảnh giới của sáu trần, chắc chắn dựa vào Mạt

na làm gốc của chỗ dựa mới có thể sanh khởi, vì thế ý thức sẽ là chủ thể dựa, thức Mạt-na sẽ là đối tượng được dựa”. Chủ thể và đối tượng ấy không thể cùng là một loại, tại sao nay nói là một thể không khác? Ý kinh phân tách nên không có gì trái ngược nhau. Nghĩa là trong kinh ấy đã thiết lập chủng loại khác nhau. Nay trong kinh này thiết lập chủng loại như nhau. Vì văn nào mà hiện tại biết rõ về thức phân biệt sự, không dựa vào Mạt-na nhưng vẫn có thể sanh khởi? Do trong Kinh Lăng Già giải thích rất rõ. Kinh ấy giải thích thế nào? Đó là trong Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức liễu biệt sự và thức phân biệt sự, hai loại thức ấy không có sai biệt, lại luân lưu làm nhân cho nhau”.

Lại trong một bản Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức hiện và thức phân biệt sự, hai tướng hoại và bất hoại này liên tiếp chuyển đổi làm nhân cho nhau”. Căn cứ vào văn ấy nên biết rõ về ý thức, chỉ lấy tướng hiện của thức A-lê-da làm đối tượng được dựa bên trong, sanh khởi hay động chuyển không dựa vào Mạt na. Hơn nữa, trong Kinh Đại Bản Lăng Già nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Nghiêm bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Ý thức tướng thô và ý thức tướng tế lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên mà chuyển đổi liên tục không ngừng? Đức Phật nói: Đúng như vậy! Ý thức thô và tế, lấy thức hiện kính để làm nhân, lấy cảnh giới sáu trần để làm duyên, chuyển đổi liên tục theo nhau”. Do nghĩa này mà thức Mạt na thứ bảy duyên với cảnh giới sáu trần. Vì cảnh nơi đối tượng duyên mà nghĩa chuyển đã thành lập. Tại sao? Vì trong kệ tụng của kinh giải thích như vậy: “Gió cảnh giới đã động, Sóng bảy thức cuộn nổi”. Vả lại, nếu chúng sanh nào trải qua thức hiện, đó chính là thức Mạt na này, vì thế ý thức lấy đó làm nhân. Lời này không đáng để căn cứ theo sao?

Đã nói phần căn bản dựa theo kinh, tiếp đến giải thích văn của luận. Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát, lược chỉ ra. Hai là phần nêu ra và giải thích đều thành tựu. Vì có duyên vào cảnh giới nên lại phát sanh sáu loại tướng, đó chính là phần một. Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là biểu hiện rõ về sáu loại tướng thô của một ý thức, lấy cảnh giới sáu trần trong thức hiện kính làm duyên phát khởi, lấy thể của thức hiện kính làm nhân dựa vào, nên được sanh trưởng liên tục và chuyển đổi đầy đủ. Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói là lấy cảnh giới làm duyên, không nói đến lấy thức vốn có kia làm nhân? Vì nghĩa biểu hiện lẫn nhau nên tạm thời lược bớt, chứ lý đó không phải là không có. Nếu vậy thì thức hiện

chính là tương ứng với Mạt-na, làm chỗ dựa gần gũi cho ý thức, giống như là ý căn? Giải thích về nghĩa này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là ý ngăn trở. Hai là ý cho phép. Ngăn trở là chặn lại chủng loại sai khác. Cho phép là thừa nhận A-lê-da và Mạt-na. Nghi vấn khó xử lý như vậy đến trong phần Quyết trạch Đại Mạt na, lý đó tự nhiên hiển lộ.

Từ đây xuống dưới giải thích về phần thứ hai. Trong sáu tướng này thì hai tướng thứ nhất chính là chấp pháp, hai tướng thứ hai chính là chấp ngã, hai tướng thứ ba chính là tướng sai khác của nghiệp nhân quả báo. Vả lại, hai tướng thứ nhất thì hàng Địa thượng đã đoạn trừ, hai tướng thứ hai thì hàng ba Hiền đã đoạn trừ, hai tướng thứ ba thì hàng Thập tín đã rời xa. Hơn nữa, hai tướng đầu là tướng tế, bốn tướng sau đều là tướng thô. Tiếp đến, một tướng đầu là tướng tế, một tướng sau là tướng thô. Lại nữa, sáu tướng đều là tướng thô. Tiếp nữa, sáu tướng đều không có tướng tế cũng không có tướng thô. Như thứ tự đó thuận theo nên tư duy kỹ.

Đã nói về phần biểu hiện rõ quyền thuộc thô trọng, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ vô minh có quyết nghi.

Bổn Luận nói: Nên biết vô minh có năng lực sanh ra tất cả mọi pháp nhiệm, vì tất cả mọi pháp nhiệm đều là tướng Bất giác.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu trực tiếp nhất định có. Hai là phần giải thích về tướng để giải quyết nghi ngờ. Phần một nói gì? Tụng nói:

*Ví như trông thấy cây
Nên biết có chủng tử
Thấy các phiền não trên
Biết vô minh cũng vậy.*

Luận giải thích: Ví như người thấy cây rừng thì quyết định là biết rõ có hạt giống của nó, thấy các phiền não thì biết vô minh là có, nghĩa lý cũng như vậy. Như Bổn Luận nói: “Nên biết vô minh có năng lực sanh ra tất cả mọi pháp nhiệm”.

Phần hai nói gì? Đó là chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Vô minh chỉ có một mà pháp nhiệm thì vô lượng, há một vô minh mà sanh ra mọi phiền não? Do đó khởi lên tâm không tin. Nếu giải quyết nghi ngờ kia phải nói lời này: Ví như hạt giống chỉ có một mà sanh ra vô lượng vô biên tất cả các loại hoa trái cành lá..., vô minh căn bản cũng lại như vậy, chỉ một vô minh mà có năng lực sanh ra tất cả pháp nhiệm của phiền não vô lượng vô biên. Vì sao biết được tất cả mọi phiền não đều do vô minh sanh ra? Vì các pháp nhiệm kia đều là tướng Bất giác.

Nếu như đợi đến lời này thì nghi ngờ kia được giải quyết nhanh chóng. Như Bốn Luận nói: “Vì tất cả mọi pháp nhiệm đều là tướng Bất giác”. Từ trước đến nay căn cứ trên vô minh lược giải thích rồi. Từ đây xuống dưới thấu tóm toàn bộ hết thấy các pháp nhiệm - tịnh, lại làm thành hai loại phân biệt giữa đồng và dị, biểu thị chủ ý chân thật của người tạo luận. Tướng đó thế nào?

Bốn Luận nói: Vả lại, Giác và Bất giác có hai loại tướng. Thế nào là hai loại? Một là tướng đồng. Hai là tướng dị. Nói về tướng đồng, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ đều cùng chung tánh tướng là vi trần. Như vậy, vô lậu, vô minh và các loại nghiệp huyễn ảo đều cùng chung tánh tướng là Chân như. Vì vậy trong kinh dựa vào nghĩa này nói: “Tất cả chúng sanh thường trú xưa nay, hòa nhập với pháp Bồ-đề Niết-bàn, không phải là tướng có thể tu tập, không phải là tướng có thể làm ra, suy cho cùng không có gì đạt được, cũng không có sắc tướng nào có thể trông thấy, mà sắc tướng có thể trông thấy, chỉ là nghiệp huyễn ảo đã tạo ra tùy theo pháp nhiệm, chứ không phải là tánh bất không của trí sắc, vì tướng trí không gì có thể trông thấy”. Nói về tướng dị, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ mỗi loại có hình dạng riêng và hoàn toàn khác nhau. Như vậy, vô lậu, vô minh tùy theo pháp nhiệm huyễn ảo sai biệt nên tánh nhiệm huyễn ảo cũng sai biệt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tướng đồng. Hai là phần tướng dị. Để trình bày về nghĩa nào mà kiến lập phần tướng đồng? Vì muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp chỉ có một chân như chứ không có pháp nào khác, là môn Chân như. Để trình bày về nghĩa nào mà kiến lập phần tướng dị? Vì muốn biểu hiện rõ chỉ có một Chân như làm nên tất cả các pháp, danh tướng hoàn toàn khác nhau, nghĩa - dụng không loại nào giống loại nào, là môn sanh diệt. Hai môn như vậy dựa vào kinh nào để kiến lập? Đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời trong kinh thứ nhất. Trong kinh ấy xác đáng là nói về điều gì? Nghĩa là trong kinh ấy nói như vậy: “Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù: Ông từ lâu xa đến nay luôn không nghỉ ngơi, đi lại khắp trong cõi nước mười phương thấy điều gì đặc biệt? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con từ lâu xa đến nay không thấy điều gì khác, chỉ thấy bụi đất. Đức Phật lại hỏi: Trong một trăm năm ông ở nhà họ Luân, không trông thấy hình dạng các loại đồ dùng bằng sành sứ chẳng? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con chỉ thấy bụi đất chứ không thấy đồ dùng bằng sành sứ. Đức Phật lại nói: Ông thật sự không trông thấy các loại hình dạng như đất nước lửa gió, núi sông cây cối... hay sao? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con thật

sự không thấy những hình dạng như thế, chỉ thấy toàn là bụi đất. Như thế, như thế... Đức Thế Tôn hỏi vặn lại, Văn-thù đáp: Đúng như vậy, như vậy... Đến thứ một trăm lần Đức Phật hỏi Văn-thù thấy toàn bụi đất ư? Văn-thù trả lời: Con từ lâu xa đến nay không thấy cát bụi. Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù: Lành thay! Lành thay! Ông đúng là Đại sĩ, có năng lực hiểu được tướng đồng nhất, có năng lực hiểu được tướng đồng nhất chính là pháp không hề có tướng. Nay Văn-thù-sư-lợi! Một bậc Nhân giả như ông không phải chỉ hiểu được như vậy, mà dựa vào môn nhất tướng, tất cả chúng sanh thường trú xưa nay, hội nhập với pháp Bồ-đề Niết-bàn, đạt đến nơi tướng trí không gì có thể thấy”.

Bồ-tát Mã Minh dựa vào văn kinh ấy thiết lập môn tướng đồng, nội dung của văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Về phần tướng dị, trong kinh ấy nói như sau: “Đức Phật nói với Thân Tử: Ông thấy cõi này là tâm nào thấy? Thân Tử đáp: Con thấy cõi này, thì các loại tướng trạng của núi sông - cây rừng - cát đá - đất đai - mặt trăng - mặt trời - cung điện nhà cửa..., tất cả đều có hình tướng tên gọi sai biệt và không hề giống nhau. Đức Phật nói: Sức trí tuệ của ông hạn kém, tâm có cao thấp, nên thấy khác nhau như vậy, chỉ vì một người như ông, không phải thấy như thế. Tất cả chúng sanh lại cũng như thế, thậm chí các pháp cũng lại như thế, chân - vọng huân tập lẫn nhau, công đức - tội lỗi - hình tướng - tên gọi tất cả đều sai biệt, tùy theo tâm phàm phu đã lập thành danh tướng, có mà chẳng phải là thật, chỉ toàn là pháp huyễn hóa, cho đến nói rộng”. Do dựa vào văn này, thuật ra tìm nghĩa thiết lập môn tướng dị, nội dung của văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Trong hai môn này vốn giữ lại môn đầu, thuận theo nên tư duy kỹ. Từ trước đến nay giải thích trong phần này đều là câu chữ của tâm sinh diệt. Từ đây về sau giải thích thẳng về nhân duyên.

Bổn Luận nói: Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, vốn gọi là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức mà chuyển. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào thức A-lê-da để nói, có vô minh Bất giác dấy lên, chủ động tiếp xúc - chủ động hiện rõ - chủ động chọn lấy cảnh giới khởi lên niệm vọng liên tục không dứt, nên nói là ý. Ý này lại có năm loại tên gọi. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Gọi là thức nghiệp, nghĩa là vì năng lực của vô minh nên tâm không giác tỉnh, bị biến động.
2. Gọi là thức chuyển, nghĩa là vì dựa vào tâm biến động nên chủ động thấy tướng.
3. Gọi là thức hiện, đó là chủ động hiện ra tất cả cảnh giới, giống

như gương sáng hiện rõ đủ mọi hình tượng cảnh sắc. Thức hiện cũng vậy, tùy theo năm trần cảnh hưởng đến lập tức hiện rõ không có trước sau, vì tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng khởi lên luôn ở phía trước.

4. Gọi là trí thức, nghĩa là vì phân biệt rõ pháp nhiệm và pháp tịnh.

5. Gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần đầu gồm nghĩa biểu hiện tông chỉ phát sinh kiến giải. Hai là phần thuận theo văn nêu rộng để giải quyết nghi ngờ. Phần một nói gì? Trong phần này nói về nhân duyên và có hai tầng của nó. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên bất tương ứng sanh diệt. Hai là nhân duyên tương ứng sanh diệt.

Nhân duyên tầng thứ nhất thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Là vô minh căn bản
Là thuận duyên Bốn giác
Nhân duyên đều có đủ
Là ba bất tương ứng.
Đích thực tạo nhân duyên
Nhân duyên sanh diệt tế
Lại tác ý quán sát
Nên xét kỹ nghĩa lý.*

Luận nói: Vô minh căn bản thuận theo duyên Bốn giác, tất cả các nhân duyên có đầy đủ hai nghĩa, có thể vì ba loại bất tương ứng nhiệm, đích thực làm thành nhân duyên, vì thế nói là phần nhân duyên vi tế của sanh diệt. Hình tướng đầy đủ trong phần nói chi tiết, lý đó sẽ sáng tỏ.

Nhân duyên tầng thứ hai ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tự thể thức hiện kính
Tướng cảnh giới sáu trần
Là ba loại tương ứng
Hay làm thành nhân duyên.*

Luận nói: Thể của thức hiện kính là cảnh giới sáu trần. Như thứ tự đó, có thể làm thành nhân duyên cho ba loại tương ứng pháp nhiệm, vì thế nói là phần nhân duyên thô trọng của sanh diệt. Trong thể của thức hiện còn có nghĩa về duyên, thuận theo nên tư duy xét kỹ. Hơn nữa, lại có hai tầng nhân duyên. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên bốn biến. Hai là nhân duyên mật biến. Nói về bốn biến là đưa ra vô minh căn bản và tâm của Bốn giác, hưởng vào sáu tướng thô mà có nghĩa về nhân duyên. Nói về mật biến là đưa ra tướng nghiệp và tướng chuyển

hướng vào ba loại tương ứng mà có nghĩa của nhân duyên. Tiếp tục lại có hai tầng của nhân duyên. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên thượng hạ. Hai là nhân duyên hạ thượng. Nói về thượng hạ thì vô minh là bắt đầu, quả báo là cuối cùng, xuống thấp nữa thì cùng với năng lực cũng không vượt qua số đó, vì làm thành nhân duyên rồi. Nói là hạ thượng thì quả báo là ban đầu, vô minh là cuối cùng, lên cao hơn nữa cùng với năng lực cũng không vượt qua số đó, nên làm thành nhân duyên.

Lại nữa, tất cả các pháp hữu vi sanh diệt không dừng lại trong sát na vì không có nhân và không có duyên. Vả lại, pháp nhân duyên là không không có chủ, thực ra vì tự tánh không thể đạt được. Hơn nữa, “Pháp không thể đạt được” cũng không thể đạt được. Như thứ tự đó, cần phải xem xét tư duy và chọn lựa.

Đã nói về phần thấu tóm nghĩa, biểu hiện tông chỉ phát sinh kiến giải, tiếp đến nói về phần thuận theo văn nói rộng để giải quyết nghi ngờ. Trong đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát. Hai là phần giải thích rộng. “Lại nữa, nhân duyên sanh diệt, đó là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức mà chuyển”, chính là phần thứ nhất. Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là muốn biểu hiện rõ sự sai biệt của chủ thể dựa và đối tượng được dựa. Thế nào là đối tượng được dựa? Đó là tâm của Bốn giác. Thế nào là chủ thể dựa? Đó chính là chúng sanh. Nói chúng sanh là hướng về pháp nào? Đó là ý và ý thức. Tại sao ý và ý thức gọi là chúng sanh? Ý và ý thức là do tất cả pháp nhiệm tập hợp lại phát sanh, nên gọi là chúng sanh, nhưng không có tự thể riêng, chỉ dựa vào tâm làm thể, vì thế nói là dựa vào tâm mà liên tục chuyển.

Đã nói về phần nêu tổng quát, tiếp đến nói về phần giải thích rộng. Trong này có hai loại, trước là nói về Mạt na chuyển, sau là nói về ý thức chuyển. Nội dung của văn có thể thấy. Nghĩa này nói gì? Đó là hỏi tổng quát về hai chuyển.

Từ đây xuống dưới thực hiện giải thích nói chi tiết. Phần ý thức chuyển này dựa vào kinh nào để kiến lập? Đó là Kinh Hiển Liễu. Trong kinh ấy xác đáng là nói về điều gì? Nghĩa là trong Kinh Hiển Liễu nói như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ do Mạt-na chuyển đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì thức Mạt na này vốn có đủ mười một nghĩa và không có việc gì không làm được”. Trong kinh ấy lược đi không nói riêng tên gọi của mười một nghĩa, vì vậy Luận giả đưa ra đầy đủ tên gọi riêng của mười một loại để biểu hiện rõ. Thế nào gọi

là mười một loại tên gọi? Đó là:

1. Vô minh căn bản.
2. Tướng nghiệp.
3. Tướng chuyển.
4. Tướng hiện.
5. Tướng trí.
6. Tướng tương tục.
7. Thức nghiệp.
8. Thức chuyển.
9. Thức hiện.
10. Thức trí.
11. Thức tương tục.

Đây gọi là mười một tên gọi. Như Bốn Luận nói: “Vì dựa vào thức A-lê-da để nói, nên có vô minh Bất giác dấy lên, chủ động tiếp xúc - chủ động hiện rõ - chủ động chọn lấy cảnh giới khởi lên niệm vọng liên tục không dứt, nên nói là ý. Ý này lại có năm loại tên gọi, nói rộng cho đến năm - gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt”. Trong kinh Bốn Địa nói như sau: “Thức Đại Mạt na có mười hai chuyển, tức dựa vào Bốn giác mà làm thành một”.

Hai chữ Tướng và Thức sai biệt thế nào, lại thêm số đó mà kiến lập riêng như vậy? Do sai biệt rất lớn. Sai biệt thế nào? Nghĩa là tất cả các pháp nhiệm quyển thuộc, tất cả mỗi pháp đều có đủ hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về thân giải. Hai là nghĩa về ám độn. Nghĩa về thân giải là căn cứ theo bên lưu chuyển của Bốn giác. Nghĩa về ám độn là căn cứ theo bên lưu chuyển của vô minh. Dựa vào nghĩa đầu nên kiến lập tên gọi thức, dựa vào nghĩa sau nên kiến lập tên gọi tướng. Hai phần sai biệt nên biết. Tại sao như vậy? Vì nói thức, tức hiểu phân biệt nghĩa lý nên thuận với Bốn giác. Nói tướng, tức trái với nghĩa lý vốn có nên thuận theo vô minh. Vì vậy trong kinh Thường Trú Phật Tánh nói như vậy: “Vì sao có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh? Đáp: Vì tất cả chúng sanh đều có tâm thức, nên biết là có Phật tánh. Tại sao Phật gọi là Giác giả? Vì có năng lực để soi chiếu thông suốt tất cả các pháp, trong thân chúng sanh có tâm giác này, nên tất cả chúng sanh có thể sinh thức liễu biệt”. Do nghĩa nào mà gọi là ý? Vì có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về căn. Hai là nghĩa về thân. Nói về nghĩa căn là vì nghĩa chủ thể sanh khởi. Nói đến nghĩa về thân, ấy à nghĩa tựa vào nhau dừng lại. Do nghĩa nào mà vô minh căn bản và Bốn giác tùy pháp nhiệm đều có đủ nhân duyên? Vì cùng

hướng đến với nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là đưa ra Bốn giác và vô minh cùng hưởng về ba thức thì Bốn giác làm nhân - vô minh làm duyên, cùng đưa ra hai trạng thái ấy hưởng về nơi ba tướng, thì vô minh làm nhân - Bốn giác làm duyên. Vì sao? Vì gần gũi là nhân - xa hơn là duyên. Vì sao ở trước nói phân biệt tướng trí và tướng tướng tục là phần tế của ý thức, nay trong văn này lại nói Mạt-na thấu gồm? Vì muốn thành lập Mạt-na, ý thức, chỉ là một thể chứ không có hai thể riêng. Nếu vậy thì tại sao lược bỏ phần thô không lấy làm Y? Căn cứ ở sự thực đều là ý, nhưng lý tận cùng nên tạm thời lược bớt, vì vậy kinh nói: “Không có việc gì không làm được”. Nhưng kiến lập riêng về ý thức chuyển, là vì muốn kiến lập pháp môn của chủ thể dựa và đối tượng được dựa, nên đưa ra ba tướng quyết trạch này để Mạt-na thuận theo mở rộng thông suốt. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ thức A-lê-da không nhất định là A-lê-da, Mạt-na không nhất định là Mạt-na, ý thức không nhất định là ý thức. Vì không nhất định nên tạng thức là Mạt-na, Mạt-na là tạng thức, ý thức là tạng thức, tạng thức là ý thức, cũng đều là tạng thức, đều là Mạt-na, đều là ý thức, lại cũng đều là không phải. Như vậy, vì không có nhất định, nên đều là vô thường, vô thường nên chẳng phải là chân thật, chẳng phải là chân thật nên đều là huyễn hóa, vì huyễn hóa nên tự tánh rỗng lặng không có, tự tánh rỗng lặng nên quyết định là tịch diệt, vì tịch diệt nên tịch diệt cũng vắng bật luôn. Trong Kinh Kim Cang Tam Muội nói như sau: “Bồ-tát Địa Tạng nói: Không thể nghĩ bàn được! Không thể nghĩ bàn được! Tụ bầy và năm không sanh ra, tám và sáu vắng lặng hoàn toàn, chín tướng là không. Có không, không có, không không cũng không có. Cả đến văn trước cũng nói: “Đức Phật nói thấy thì vọng”. Tại sao? Vì tất cả vạn vật không có sanh ra, không có tướng trạng, ban đầu không tự đặt ra tên gọi, thấy đều rỗng lặng. Tất cả mọi pháp tướng cũng lại như vậy. Tất cả thân chúng sanh cũng như vậy. Thân hãy còn không có nói gì đến có thấy.

Đã nói về phần thuận theo văn nêu chi tiết để giải quyết nghi ngờ, tiếp đến nói về phần Nghiệp dụng tương tục sai biệt.

Bốn Luận nói: “Nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp quá khứ được nắm giữ chắc chắn làm cho không mất, lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai không hề sai lạc trái ngược. Có thể khiến cho sự việc của hiện tại đã trải qua bỗng nhiên nhớ lại, sự việc của vị lai không hiểu rõ nên suy nghĩ vọng ảo”.

Luận giải thích: Thức tương tục này có ba nghĩa. Thế nào là ba nghĩa? Một là nghĩa thấu tóm trước không mất. Hai là nghĩa chiêu cảm

quả thành tựu. Ba là nghĩa suy nghĩ vọng ảo duyên theo khắp nơi. Nghĩa thứ nhất nói gì? Thức tương tục này có năng lực phát khởi phiền não làm cho nghiệp được thấm ướt, nắm giữ chắc những gì từ quá khứ do vô minh đã khởi lên, tất cả các loại nghiệp thiện và bất thiện có thể khiến tác dụng thực hiện thành tựu mọi quả. Như Bốn Luận nói: “Nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp quá khứ được nắm giữ chắc khiến không mất”. Nghĩa thứ hai nói gì? Thức tương tục này lại có năng lực phát khởi phiền não lớn lên tươi tốt, có thể làm cho nghiệp đã được phân rõ, quyết định quả báo an lập thuộc về nơi thích hợp. Như Bốn Luận nói: “Lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai không hề sai lạc trái ngược”. Nghĩa thứ ba nói gì? Thức tương tục này vin theo duyên chuyển sang phạm vi rộng và phân biệt càng mạnh mẽ hơn. Duyên với cảnh đã biết thì tâm biểu lộ trạng thái vui và không vui, đối với cảnh hiện rõ trước mắt tâm tăng lên cảm giác thích và không thích. Duyên với cảnh chưa biết thì không rõ nhưng lại suy tư vọng huyễn. Như Bốn Luận nói: “Có thể khiến cho sự việc của hiện tại đã trải qua bỗng nhiên nhớ lại, sự việc của vị lai không hiểu rõ lại suy nghĩ vọng ảo”. Như vậy, thức này sanh tử liên tục khiến không thể đoạn tuyệt, vì thế gọi thức tương tục là theo nghĩa ấy.

Đã nói về phần nghiệp dụng sai biệt, tiếp đến nói về phần chỉ do tâm xoay chuyển các pháp.

Bốn Luận nói: Vì vậy ba cõi không có thật chỉ do tâm tạo ra, lìa tâm thì cảnh giới sáu trần không có. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả các pháp đều thuận theo tâm khởi lên niệm vọng sanh ra, tất cả mọi phân biệt chính là phân biệt từ nơi tâm, tâm không trông thấy - tâm không có tướng có thể đạt được. Nên biết tất cả mọi cảnh giới của thế gian, đều dựa vào tâm vọng vô minh của chúng sanh mà được giữ gìn chắc chắn. Vì vậy tất cả các pháp, như hình bóng trong đài gương không thể đạt được, chỉ do tâm hư vọng mà có, vì tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt thì các loại pháp diệt.

Luận giải thích: Văn này là trình bày về nghĩa nào? Vì muốn biểu hiện rõ về tất cả các pháp chỉ do tâm xoay chuyển biến đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì tùy theo tâm có hay không có mà các pháp sai biệt có hay không có. Các pháp chỉ do tâm thì tâm này là có sao? Như thế thì tâm và pháp cũng không thể đạt được. Nếu vậy thì chỉ là nghĩa về tâm, sao nói là thành lập? Vì đây cũng là tâm. Vì sao biết ngay được? Vì văn kinh nêu rõ. Nói thế là thế nào? Nghĩa là trong kinh Phần Lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Không có tâm lượng của tâm

thì Ta nói là tâm lượng”. Vả lại, căn cứ vào câu “Tâm không thể thủ đắc” nên thành lập nghĩa của đại không, căn cứ vào câu “Tâm lượng của không tâm” nên thành lập nghĩa của huyền sai biệt. Hơn nữa, căn cứ vào nghĩa của đại không, nên các pháp được thành tựu. Căn cứ vào nghĩa của huyền sai biệt, nên lý về không được hiển lộ. Lại nữa, vì liên quan với nhau nên không xác định hai sự việc, không có hai sự việc nên không thành tựu một sự việc, không có một sự việc nên không thành tựu, cũng không thể thành tựu. Như thứ tự đó nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần tướng chuyển rộng lớn của Mạt-na, tiếp đến nói về phần tướng chuyển của thức phân biệt sự.

Bốn Luận nói: “Lại nữa, nói về ý thức, chính là thức tương tục, dựa vào sự chấp giữ chuyển sang sâu xa của các phàm phu, vọng phân biệt ngã và ngã sở, các loại vọng chấp tùy theo sự vin dựa theo duyên, phân biệt sáu trần, gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly. Vả lại, gọi là thức phân biệt sự, thì thức này là dựa vào nghĩa tăng trưởng phiền não do kiến và ái”.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần lựa chọn mượn người cùng phần vị. Hai là phần sanh khởi tướng chuyển thô trọng. Ba là phần kiến lập tên gọi sai biệt. Bốn là phần biểu hiện rõ đối tượng dựa được an lập.

Phần lựa chọn mượn người, là đưa ra ba loại phàm phu chọn lấy hàng Thánh nơi Địa thượng. Thế nào là ba loại phàm phu? Một là phàm phu đui điếc không có căn. Hai là phàm phu ngu si tà vạy. Ba là phàm phu khăng khăng cố chấp. Đây gọi là ba loại phàm phu. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào các phàm phu”.

Phần sanh khởi thô trọng, nếu căn cứ vào các chúng sanh thuộc tụ định tà, thì thường dấy lên thức hý luận phân biệt, chấp giữ tất cả các loại cảnh giới, chuyển đổi liên tục trở thành sâu dày không có giới hạn, không có trước sau, vì thế luôn không đoạn tuyệt. Như Bốn Luận nói: “Chấp giữ chuyển sang sâu xa”. Nếu căn cứ vào các chúng sanh thuộc tụ bất định, tuy giác ngộ tướng diệt chắc chắn là bất thiện khởi lên không tác ý, nhưng vì trí nhân không Bát nhã chưa hiện rõ trước mắt, nên duyên với các cảnh giới và phần thân v.v... toan tính làm ngã và ngã sở, chấp chặt không lìa bỏ. Như Bốn Luận nói: “Vọng chấp ngã và ngã sở”. Nếu căn cứ chúng sanh ở vị ba Hiền, tuy thành tựu lĩnh hẳn giác mộng tướng dị, mà chân trí pháp không hãy còn chưa hiện rõ trước mắt, vì thế dấy lên các loại đăm chấp kiên cố chấp giữ thật pháp, tùy theo sự việc suy xét không thể nào thông suốt được lý lẽ chính xác về

bình đẳng. Như Bốn Luận nói: “Các loại vọng chấp tùy theo sự vin dựa theo duyên, phân biệt sáu trần”.

Phần kiến lập tên gọi có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là tên gọi dựa vào nơi vi tế. Hai là tên gọi dựa vào nơi thô hiện. Ba là tên gọi thuận theo cảnh giới. Đây gọi là ba loại tên gọi. Tên gọi thứ nhất nói gì? thức này dựa vào Mạt-na vi tế, lấy đó làm căn bản nương dựa mà được an lập nên gọi là ý thức. Như Bốn Luận nói: “Gọi là ý thức”. Tên gọi thứ hai nói gì? thức này dựa vào năm căn là mắt - tai..., lấy đó làm căn bản nương dựa lại để phân biệt năm trần, vì vậy cũng gọi là thức phân ly. Như Bốn Luận nói: “Cũng gọi là thức phân ly”. Tên gọi thứ ba nói gì? thức này hoàn toàn duyên vào cảnh giới của sự mà chuyển sang phân biệt, chưa lấy như lý làm cảnh giới của mình, vì vậy gọi là thức phân biệt sự. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, gọi là thức phân biệt sự”. Phần biểu hiện rõ đối tượng được nương dựa, là hai hoặc của kiến và tu huân tập vào thức ban đầu, căn cứ vào lực huân tập ấy kiến lập ý thức thuộc phần thô, vì tăng trưởng liên tục và luôn chuyển đổi nên được giữ gìn chắc chắn. Như Bốn Luận nói: “Thức này là dựa vào nghĩa tăng trưởng phiền não do kiến và ái”.

Từ trước đến nay là phần quyết trạch về nhân duyên sanh diệt. Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về tướng thù thắng không thể nghĩ bàn được của nhân duyên.

Bốn Luận nói: Dựa vào vô minh huân tập đã khởi lên thức, không phải hạng phàm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ của Nhị thừa hiểu được, nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán sát, nếu như chứng Pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng cũng không có năng lực biết hết được, chỉ có Phật mới hiểu rõ tận cùng. Tại sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm cho vấy nhiễm nên có tâm nhiễm, tuy có tâm nhiễm nhưng luôn bất biến, vì thế nghĩa này chỉ có Phật mới có năng lực biết rõ. Điều ấy có nghĩa là tánh của tâm luôn không có niệm nên gọi là bất biến, vì không thông suốt một pháp giới nên tâm không tương ứng, bỗng nhiên niệm vọng dấy lên nên gọi là vô minh. Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ứng, là dựa vào Nhị thừa giải thoát và địa tín tương ứng mà được lìa xa. Hai là nhiễm bất đoạn tương ứng, là dựa vào địa tín tương ứng tu học các phương tiện, dần dần có thể xả bỏ, đạt được địa tâm tịnh, xa lìa rất ráo. Ba là nhiễm phân biệt trí tương ứng, là dựa vào địa đầy đủ giới dần dần xa rời, cho đến địa phương tiện vô tướng thì xa lìa rất

ráo. Bốn là nhiệm hiện sắc bất tương ứng, là dựa vào địa sắc tự tại có năng lực xa rời. Năm là nhiệm chủ thể nhận thức tâm bất tương ứng, là dựa vào địa tâm tự tại có năng lực xa rời. Sáu là nhiệm căn bản nghiệp bất tương ứng, là dựa vào địa Bồ-tát cuối cùng được vào địa Như Lai có năng lực xa rời. Không hiểu rõ nghĩa lý về pháp giới đồng nhất ấy, là từ địa tín tương ứng quán sát tu học để đoạn trừ, đi vào địa tâm tịnh tùy theo từng phần mà được xa rời, cho đến địa Như Lai mới có năng lực xa rời hoàn toàn.

Nói về nghĩa tương ứng, đó là tâm pháp và pháp niệm khác nhau, dựa vào sự sai biệt của nhiệm và tịnh mà biết duyên lẫn nhau, đồng với nhau.

Nghĩa về bất tương ứng, nghĩa là ngay nơi tâm không giác ngộ, luôn không có sai khác, nên không giống như biết tướng duyên lẫn nhau. Vả lại, nghĩa về tâm nhiệm, gọi là phiền não chướng, vì có năng lực làm cản trở đến trí căn bản của Chân như. Nghĩa về vô minh, gọi là trí chướng, vì có năng lực làm cản trở cho trí nghiệp tự nhiên của thế gian. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào tâm nhiệm chấp mà chủ động trông thấy, chủ động hiện rõ, vọng giữ lấy cảnh giới làm trái với tánh bình đẳng? Vì tất cả các pháp luôn vắng lặng không có trạng thái dấy động, thì vô minh không giác ngộ ảo vọng đã trái ngược với pháp, nên không có năng lực biết được các loại thuận theo tất cả mọi cảnh của thế giới.

Luận giải thích: Ngay trong văn này vốn có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần nêu ra con người, biểu hiện rõ sự thù thắng. Hai là biểu hiện rõ về duyên sâu rộng để giải quyết nghi ngờ. Ba là phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác đáng. Bốn là phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Năm là phần thiết lập hai ngại tách biệt tác dụng của chướng. Đây gọi là năm phần.

Trong phần thứ nhất lại có ba người. Thế nào là ba người? Một là người cả phần và mãn đều đoạn tuyệt, là phàm phu định tà và tất cả Nhị thừa, vì ngu si sâu dày, trí tuệ yếu kém. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào vô minh huân tập đã khởi lên thức, không phải hạ phàm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ của Nhị thừa hiểu được”. Hai là người có phần, không có mãn, là người ở địa thứ năm mươi có Bát nhã của Thủ giác chưa viên mãn. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán sát nếu như chứng pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng cũng không có năng lực biết hết được”. Ba là người có mãn - không có phần, là đại viên cảnh trí

trong quả vị Phật soi chiếu tất cả hiện rõ trước mắt. Như Bốn Luận nói: “Chỉ có Phật mới hiểu rõ tận cùng”.

Đã nói về phần nêu ra con người biểu hiện rõ sự thù thắng, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về duyên sâu rộng để giải quyết nghi ngờ. Trong phần này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là thường - vô thường. Hai là vô thường - thường. Nói về thường - vô thường, là tự tướng của tâm của Bốn giác từ vô thủy đến nay, quyết định thường trú trong thể tánh bất biến, vì không lúc nào là không phải vô thường, không nơi nào là không phải biến hóa. Như Bốn Luận nói: “Tại sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm cho vấy nhiễm nên có tâm nhiễm đó”. Nói về vô thường - thường, là tâm của Bốn giác này từ vô thủy đến nay, luôn vô thường - luôn biến dị, không lúc nào không phải là thường trú, không nơi nào không phải là bất biến. Như Bốn Luận nói: “Tuy có tâm nhiễm mà luôn bất biến, vì thế nghĩa này chỉ có Phật mới có năng lực biết rõ”. Đây là tổng kết về sự thù thắng. Từ đây xuống dưới lại dùng hai câu để giải thích hai câu trên, sắc thái trong văn có thể thấy rõ.

Đã nói về phần biểu hiện rõ duyên sâu xa để giải quyết nghi ngờ. Tiếp đến nói về phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác đáng.

Ngay trong phần này đã có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là phần vị tùy chuyển để đối trị. Hai là phần vị căn bản đối trị. Phần tùy chuyển để đối trị, là sáu loại thuận theo tướng như thứ tự của nó, phát tâm là đầu, diệu giác là sau mà thuận theo lìa xa. Như Bốn Luận nói: “Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ứng, là dựa vào Nhị thừa giải thoát và địa tín tương ứng mà được lìa xa. Nói rộng cho đến sáu là nhiễm căn bản nghiệp bất tương ứng, là dựa vào địa Bồ-tát cuối cùng được vào địa Như Lai có năng lực xa rời”. Phần căn bản đối trị là đại lực vô minh, cực hỷ là đầu, diệu giác là sau mà thuận theo lìa xa. Như Bốn Luận nói: “Không hiểu rõ nghĩa lý về pháp giới đồng nhất ấy, là từ địa Tín tương ứng quán sát tu học để đoạn trừ, đi vào địa tâm tịnh tùy theo từng phần mà được xa rời, cho đến địa Như Lai mới có năng lực xa rời hoàn toàn”. Trong địa Cực hỷ căn bản tùy theo tướng đối trị, hình tướng sẽ sai khác như thế nào? Nghĩa là đối tượng đoạn của trí hậu đặc gọi là vô minh và đối tượng đoạn của trí chánh thể gọi là tùy tướng, nên biết như thế. Như nói địa Cực hỷ, trong tất cả các địa cũng lại như vậy.

Đã nói về phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác

đáng. Tiếp đến nói về phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Thế nào gọi là nghĩa tương ứng? Nói về nghĩa tương ứng, đó là phẩm tâm và pháp niệm khác nhau. Thế nào là phẩm tâm? Đó là tâm của Bản giác tùy theo pháp nhiệm. Thế nào là pháp niệm? Đó là không ngừng dựa vào vô minh sanh trưởng pháp vọng. Do nghĩa nào mà gọi là tương ứng? Đó là tương và lực. Hai pháp như vậy tại sao nói là khác nhau? Vì nguồn gốc đều sai khác. Như Bản Luận nói: “Nói về nghĩa tương ứng, đó là tâm pháp và pháp niệm khác nhau”. Pháp niệm là dựa vào nhiệm, phẩm tâm là dựa vào tịnh. Hai pháp như vậy thấy đều sai biệt, không có giống nhau. Cũng như nước với lửa, tại sao nói thành tựu nghĩa tương ứng được? Do biết tương duyên tương kế hợp như nhau. Thế nào gọi là biết tương thích hợp như nhau? Vì phẩm tâm và pháp niệm không tách rời nhau, hòa hợp nhau mà chuyển. Thế nào gọi là tương duyên thích hợp như nhau? Vì hai phẩm như vậy cùng chung nơi đối tượng duyên. Như Bản Luận nói: “Dựa vào sự sai biệt của nhiệm và tịnh mà biết duyên lẫn nhau giống với nhau”. Trong Kinh Đại Bản Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Ba loại tương đồng, dị nên trở thành đồng, vì nếu đồng thì không thể đồng được”. Nếu vậy tại sao trong Kinh Bộ Tông lại giải thích như vậy: “Ba loại thô nhiệm có hai nghĩa nên chuyển. Thế nào là hai chuyển? Một là trái ngược nhau mà chuyển. Hai là thuận theo nhau mà chuyển”. Cho đến nói rộng, ngược với trên, thuận với dưới mà giải thích như vậy, ý nghĩa sâu xa không có sai khác. Nghĩa về bất tương ứng và tương trái ngược nhau, nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Tiếp đến nói về phần thiết lập Ngại tách biệt tác dụng của chướng. Phiền não gây nhiều trở ngại khiến tánh biến động phân tán, trí Chân như này không ngừng làm cho tánh vắng lặng trong sáng. Trái ngược nhau như vậy nên thiết lập làm chướng. Như Bản Luận nói: “Vả lại, nghĩa về tâm nhiệm, gọi là phiền não chướng, vì có năng lực làm cản trở đến trí căn bản của Chân như. Trí tuệ ngăn chặn tánh tối tăm mù mịt, nghiệp tác trí này là tánh nhanh nhạy sáng suốt. Trái ngược nhau như vậy nên thiết lập làm chướng. Như Bản Luận nói: “Nghĩa về vô minh, gọi là chướng trí, vì có năng lực làm cản trở trí nghiệp tự nhiên của thế gian”. Nghĩa này thế nào, phần tiếp xuống biểu hiện rõ về nhân duyên của nó, tùy theo xem xét, suy nghĩ để chọn. Hai chướng và hai ngại lại có gì khác nhau? Thiết lập phần hai chướng là căn cứ vào luôn đoạn, thiết lập phần hai ngại là căn cứ vào đoạn hay bất đoạn, hãy biết như vậy, hãy quán như vậy! Từ trước đến nay là phần quyết trạch nhân duyên thù thắng.